

Số: 57/QĐ-CKTC

Thị Trấn Cồn, ngày 03 tháng 06 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố công khai số liệu bổ sung ngân sách năm 2025
Kinh phí hỗ trợ chi phí học tập, chính sách giáo dục đối với HS
của Trường Tiểu Học Thị Trấn Cồn

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ.

Căn cứ quyết định số 300/QĐ-PGD-ĐT ngày 02/06/2025 của Phòng giáo dục đào tạo Hải Hậu về việc bổ sung dự toán NSNN năm 2025 kinh phí hỗ trợ chi phí học tập, chính sách giáo dục hỗ trợ đối với học sinh khuyết tật năm học 2024-2025.

Xét đề nghị của bộ phận tài chính, công đoàn trường Tiểu Học Thị Trấn Cồn.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai về việc bổ sung dự toán NSNN năm 2025 kinh phí hỗ trợ chi phí học tập, chính sách giáo dục hỗ trợ đối với học sinh khuyết tật năm học 2024-2025 của trường Tiểu học Thị Trấn Cồn (theo các biểu đính kèm).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Bộ phận Tài chính, công đoàn tổ chức thực hiện Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Kế toán tài chính
- Đơn vị dự toán cấp trên;
- Lưu :VT, ...

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ

(Chữ ký, dấu)

Trần Thị Hằng

Ngày 03 tháng 06 năm 2025

BIÊN BẢN NIÊM YẾT

" Về việc công bố công khai số liệu bổ sung ngân sách năm 2025
Kinh phí hỗ trợ chi phí học tập cho học sinh, chính sách giáo dục hỗ trợ HS
của Trường Tiểu Học Thị Trấn Cồn "

I. Thời gian: 14 h 00 phút giờ ngày 03 tháng 06 năm 2025

II. Địa điểm: Tại văn phòng trường Tiểu Học Thị Trấn Cồn

III. Thành phần lập biên bản:

- | | |
|-------------------------|---------------------------------|
| 1. Đ/c Trần Thị Hằng | - Hiệu trưởng |
| 2. Đ/c Hà Thị Kim Phụng | - Phó hiệu trưởng |
| 3. Đ/c Nguyễn Thị Huyền | - Trưởng ban thanh tra nhân dân |
| 4. Đ/c Trần Thị Hoa | - Kế toán |

Cùng toàn thể cán bộ, giáo viên, công nhân viên trường tiểu học thị trấn cồn.

IV. Nội dung.

- Đ/c Trần Thị Hằng – Hiệu trưởng – Chủ tài khoản triển khai nội dung.

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 09 năm 2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với các đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ.

Căn cứ quyết định số 57/QĐ-PGD-ĐT ngày 02/6/2025 của Phòng giáo dục đào tạo Hải Hậu về việc bổ sung NSNN năm 2025 kinh phí hỗ trợ chi phí học tập, chính sách giáo dục hỗ trợ đối với học sinh khuyết tật năm học 2024-2025 của trường Tiểu học Thị Trấn Cồn

Trường Tiểu Học Thị Trấn Cồn đã tiến hành họp hội đồng sư phạm và tiến hành lập biên bản niêm yết công khai số liệu giao bổ sung DTNS năm 2025.

- Hình thức niêm yết: Treo công khai tại bảng tin của nhà trường .

- Thời gian công khai: 30 ngày kể từ ngày niêm yết.

(Từ ngày 03/06/2025 đến hết ngày 03/07/2025)

- Sau 30 ngày niêm yết công khai không có đơn thư khiếu nại về nội dung trên thì tiến hành lập biên bản kết thúc niêm yết.

V. Kết luận.

Biên bản lập xong hồi 10h30 phút cùng ngày, những người có liên quan cùng thống nhất thông qua./



HIỆU TRƯỞNG

Trần Thị Hằng

BAN THANH TRA ND

Nguyễn Thị Huyền

THƯ KÝ

Hoàng Thị Dịu

Biểu số 2 - Ban hành kèm theo Thông tư số 90 ngày 28 tháng 9 năm 2019 của Bộ Tài chính
 Đơn vị: Trường Tiểu Học Thị Trấn Cồn
 Chương: 622

DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC

(Kèm theo Quyết định số 300/QĐ- PGDĐT ngày 03/06/2025 của Phòng GD & ĐT Hải Hậu)

(Dùng cho đơn vị sử dụng ngân sách)

Đvt: Đồng

Số TT	Nội dung	Dự toán được giao
1	2	3
A	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí	
I	Số thu phí, lệ phí	
II	Chi từ nguồn thu phí được để lại	
III	Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước	
B	Dự toán chi ngân sách nhà nước	6.450.000
I	Nguồn ngân sách trong nước	6.450.000
1	Chi quản lý hành chính	
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ	
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	6.450.000
3.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	6.450.000
3.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	
5	Chi bảo đảm xã hội	
6	Chi hoạt động kinh tế	
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường	
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin	
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn	
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao	

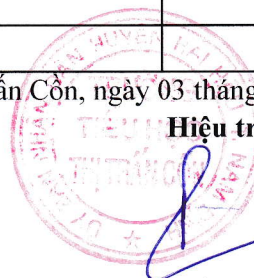
Thị Trấn Cồn, ngày 03 tháng 06 năm 2025

Kế toán



Trần Thị Hoa

Hiệu trưởng



Trần Thị Hằng

Số: 300/QĐ-PGDĐT

Hải Hậu, ngày 03 tháng 06 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Về việc bổ sung dự toán NSNN năm 2025

**Kinh phí miễn giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập, tiền ăn trưa trả mẫu giáo,
chính sách giáo dục đối với học sinh khuyết tật năm học 2024 -2025
cho các trường Mầm non, Tiểu học thuộc huyện Hải Hậu**

PHÒNG GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO HUYỆN HẢI HẬU

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25/6/2015;

Căn cứ Quyết định số 05/2025/QĐ-UBND ngày 20/02/2025 của UBND huyện Hải Hậu ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện Hải Hậu;

Căn cứ Quyết định số 9828/QĐ-UBND, 9829/QĐ-UBND ngày 17/12/2024 của UBND huyện Hải Hậu về việc giao chỉ tiêu kế hoạch và dự toán ngân sách nhà nước năm 2025 và Quy định tổ chức thực hiện dự toán ngân sách nhà nước năm 2025 trên địa bàn huyện Hải Hậu;

Căn cứ Quyết định số 5045/QĐ-UBND ngày 02/06/2025 của UBND huyện Hải Hậu về việc bổ sung dự toán 2025 kinh phí miễn giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập, tiền ăn trưa cho trẻ mẫu giáo, chính sách giáo dục đối với người khuyết tật năm học 2024-2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Bổ sung dự toán ngân sách nhà nước năm 2025 kinh phí miễn giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập, tiền ăn trưa cho trẻ mẫu giáo, chính sách giáo dục đối với người khuyết tật năm học 2024-2025 cho các đơn vị trực thuộc Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện Hải Hậu, số tiền: 1.447.822.000 đồng (Một tỷ, bốn trăm bốn mươi bảy triệu, tám trăm hai mươi hai ngàn đồng).

(Danh sách chi tiết theo biểu đính kèm).

Nguồn kinh phí: Nguồn bổ sung có mục tiêu.

Điều 2. Căn cứ dự toán ngân sách nhà nước năm 2025 được bổ sung, thủ trưởng đơn vị tổ chức thực hiện theo đúng quy định của Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn thực hiện.

Điều 3. Thủ trưởng đơn vị chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Phòng Tài chính - Kế hoạch;
- Kho bạc nhà nước huyện;
- Đơn vị sử dụng ngân sách;
- Lưu: VT; TC.

TRƯỞNG PHÒNG



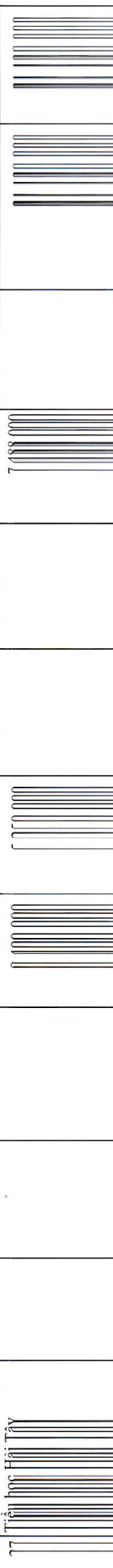
Vũ Thế Hưng

DANH SÁCH CẤP BỔ SUNG DỰ TOÁN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2025
KINH PHÍ THỰC HIỆN CHẾ ĐỘ MIỄN GIÀM HỌC PHÍ,
HỖ TRỢ CHI PHÍ HỌC TẬP, TIỀN ĂN TRƯA CHO TRẺ EM TỪ 3-5 TUỔI,
CHÍNH SÁCH VỀ GIÁO DỤC VỚI NGƯỜI KHUYẾT TẬT NĂM HỌC 2024-2025 CHO CÁC TRƯỜNG MẦM NON, TIỂU HỌC, THCS TRONG HUYỆN

(Kèm theo Quyết định số 300/QĐ-PGDĐT ngày 03/6/2025 của Phòng Giáo dục và Đào tạo)

[illegible]

STT	Trường	Kinh phí còn dư năm 2024 chuyển sang	Nhu cầu kinh phí năm học 2024-2025						Kinh phí cấp bổ sung năm 2025 (Mã nguồn 12 - KP không thực hiện tự chủ)
			Kinh phí miễn giảm học phí		Kinh phí hỗ trợ chi phí học tập		Kinh phí hỗ trợ ăn trưa cho trẻ em từ 3-5 tuổi		Tổng nhu cầu kinh phí thực hiện chế độ chính sách năm học 2024-2025
			Học kỳ 1	Học kỳ 2	Học kỳ 1	Học kỳ 2	Học kỳ 1	Học kỳ 2	
28	MN Hải Thanh		27.720.000	34.425.000	1.200.000	1.500.000	1.920.000	2.400.000	69.165.000
29	MN Thịnh Long		100.260.000	125.550.000	600.000	-	1.280.000	-	227.690.000
30	MN Hải Trung		46.440.000	59.850.000	600.000	750.000	1.280.000	3.200.000	112.120.000
31	MN Hải Triều		37.800.000	47.250.000	-	-	-	-	85.050.000
32	MN Hải Vân		74.700.000	94.050.000	-	-	2.560.000	3.200.000	174.510.000
33	MN Hải Xuân		61.560.000	76.725.000	600.000	750.000	1.920.000	1.600.000	143.155.000
34	MN Yên Định		38.520.000	48.150.000	-	-	1.920.000	2.400.000	90.990.000
	Cộng Mầm non		1.689.840.000	2.112.075.000	24.000.000	14.250.000	84.640.000	85.600.000	4.010.405.000
1	Tiểu học Hải An				4.500.000	6.000.000		7.488.000	17.988.000
2	Tiểu học Hải Anh				3.600.000	5.250.000		14.976.000	42.546.000
3	Tiểu học Hải Bắc				4.800.000	1.500.000		0	6.300.000
4	Tiểu học TT Cồn				4.200.000	2.250.000		0	6.450.000
5	Tiểu học Hải Cường				600.000	1.500.000		0	2.100.000
6	Tiểu học Hải Châu				3.600.000	4.500.000		0	8.100.000
7	Tiểu học Hải Chính				600.000	1.500.000		0	2.100.000
8	Tiểu học Hải Đông				3.000.000	2.250.000		0	5.250.000
9	Tiểu học Hải Đường				2.400.000	3.000.000		0	5.400.000
10	Tiểu học Hải Giang				2.400.000	1.500.000		0	3.900.000
11	Tiểu học Hải Hà				1.800.000	1.500.000		0	3.300.000
12	Tiểu học Hải Hoà				2.400.000	2.250.000		0	4.650.000
13	Tiểu học Hải Hưng				9.000.000	4.500.000		0	13.500.000
14	Tiểu học Hải Long				7.800.000	6.000.000		0	13.800.000
15	Tiểu học Hải Lộc				1.200.000	2.250.000		0	3.450.000
16	Tiểu học Hải Lý				2.400.000	3.000.000		0	5.400.000
17	Tiểu học Hải Nam				2.400.000	2.250.000		0	4.650.000
18	Tiểu học Hải Ninh				3.900.000	3.000.000		7.488.000	23.748.000
19	Tiểu học Hải Minh				16.200.000	12.750.000		0	28.950.000
20	Tiểu học Hải Phong				3.000.000	3.000.000		0	6.000.000
21	Tiểu học Hải Phúc				5.400.000	6.000.000		-	11.400.000
22	Tiểu học Hải Phú				6.000.000	7.500.000		7.488.000	20.988.000
23	Tiểu học Hải Phương				3.600.000	4.500.000		0	8.100.000
24	Tiểu học Hải Quang				3.000.000	3.750.000		0	16.110.000
25	Tiểu học Hải Sơn				11.400.000	4.500.000		0	15.900.000
26	Tiểu học Hải Tân				600.000	750.000		0	1.350.000
27	Tiểu học Hải Tây							7.488.000	



STT	Trưởng	Kính phí còn dư năm 2024 chuyển sang	Kính phí miễn giảm học phí		Kính phí hỗ trợ chi phí học tập				Nhu cầu kính phí năm học 2024-2025			Kính phí hỗ trợ học sinh khuyết tật		Tổng nhu cầu kính phí thực hiện chế độ chính sách năm học 2024-2025	Kính phí cấp bổ sung năm 2025 (Mã nguồn 12 - KP không thực hiện tự chủ)	
			Học kỳ 1	Học kỳ 2	Học kỳ 1	Học kỳ 2	Học kỳ 1	Học kỳ 2	Học kỳ 1	Học kỳ 2						
28	Tiểu học Hải Thanh														8.700.000	8.700.000
29	Tiểu học Thịnh Long														9.438.000	9.438.000
30	Tiểu học Hải Trung														9.450.000	9.450.000
31	Tiểu học Hải Triều														1.350.000	1.350.000
32	Tiểu học Hải Ván														10.050.000	10.050.000
33	Tiểu học Hải Xuân														1.350.000	1.350.000
34	Tiểu học Yên Định														4.050.000	4.050.000
	Cộng Tiểu học														346.956.000	346.956.000
1	THCS Hải An		5.600.000	7.525.000		135.600.000	121.500.000		-					52.416.000	37.440.000	25.125.000
2	THCS Hải Anh		4.410.000	5.950.000		3.000.000	3.750.000								17.110.000	17.110.000
3	THCS Hải Bắc		3.360.000	3.850.000		6.000.000	5.250.000								35.308.000	35.308.000
4	THCS TT Cồn		4.060.000	2.975.000		4.200.000	2.250.000							7.488.000	9.360.000	13.485.000
5	THCS Hải Cường		560.000	1.050.000		1.200.000	1.500.000								13.670.000	13.670.000
6	THCS Hải Châu		3.360.000	4.725.000		2.400.000	3.000.000								13.485.000	13.485.000
7	THCS Hải Chính		2.380.000	2.800.000		3.000.000	3.750.000								11.930.000	11.930.000
8	THCS Hải Đông	560.000	2.436.000	2.275.000		3000000	3.000.000								10.711.000	10.151.000
9	THCS Hải Đường		2.240.000	2.275.000		2.400.000	2.250.000								9.165.000	9.165.000
10	THCS Hải Giang		2.240.000	1.750.000		1.800.000	-								5.790.000	5.790.000
11	THCS Hải Hà		2.520.000	3.150.000		3.600.000	3.750.000								13.020.000	13.020.000
12	THCS Hải Hòa		1.680.000	1.750.000		1.800.000	750.000								5.980.000	5.980.000
13	THCS Hải Hưng		4.620.000	4.200.000		5.400.000	2.250.000								33.318.000	33.318.000
14	THCS Hải Long		3.220.000	2.975.000		3.600.000	3.000.000							7.488.000	9.360.000	12.795.000
15	THCS Hải Lộc		2.660.000	3.850.000		3.000.000	4.500.000								14.010.000	14.010.000
16	THCS Hải Lý		1.680.000	2.450.000		2.400.000	3.000.000								9.530.000	9.530.000
17	THCS Hải Nam		4.760.000	4.200.000		2.400.000	2.250.000								13.610.000	13.610.000
18	THCS Hải Ninh		2.380.000	2.450.000		3.600.000	2.250.000								10.680.000	10.680.000
19	THCS Hải Minh		6.860.000	8.400.000		11.400.000	8.250.000								44.270.000	44.270.000
20	THCS Hải Phong		1.680.000	1.750.000		1.200.000	1.500.000								6.130.000	6.130.000
21	THCS Hải Phúc		5.180.000	5.600.000		7.800.000	6.000.000								24.580.000	24.580.000
22	THCS Hải Phú		1.820.000	2.275.000		3.000.000	3.750.000								10.845.000	10.845.000
23	THCS Hải Phương		2.380.000	2.975.000		4.200.000	4.500.000							7.488.000	21.543.000	21.543.000
24	THCS Hải Quang		5.040.000	6.475.000		8.400.000	9.750.000							7.488.000	46.513.000	46.513.000
25	THCS Hải Sơn		7.700.000	5.075.000		9.000.000	6.750.000							14.976.000	52.861.000	52.861.000
26	THCS Hải Tân		1.260.000	1.750.000		-	-								3.010.000	3.010.000
27	THCS Hải Tây															

STT	Trường	Kinh phí còn dư năm 2024 chuyển sang	Nhu cầu kinh phí năm học 2024-2025								Tổng nhu cầu kinh phí thực hiện chế độ chính sách năm học 2024-2025	Kinh phí cấp bổ sung năm 2025 (Mã nguồn 12 - KP không thực hiện tự chủ)
			Kinh phí miễn giảm học phí		Kinh phí hỗ trợ chi phí học tập		Kinh phí hỗ trợ ăn trưa cho trẻ em từ 3-5 tuổi			Kinh phí hỗ trợ học sinh khuyết tật		
			Học kỳ 1	Học kỳ 2	Học kỳ 1	Học kỳ 2	Học kỳ 1	Học kỳ 2				
28	THCS Hải Thanh		2.380.000	3.150.000	3.000.000	3.750.000					12.280.000	12.280.000
29	THCS Thịnh Long		1.820.000	1.575.000	3.600.000	2.250.000					9.245.000	9.245.000
30	THCS Hải Trung		3.640.000	4.900.000	3.600.000	4.500.000					16.640.000	16.640.000
31	THCS Hải Triều		1.400.000	1.750.000	2.400.000	3.000.000					8.550.000	8.550.000
32	THCS Hải Vân		1.960.000	3.150.000	1.200.000	1.500.000					7.810.000	7.810.000
33	THCS Hải Xuân		2.800.000	2.625.000	1.800.000	1.500.000					8.725.000	8.725.000
34	THCS Yên Định		1.400.000	1.050.000	600.000	750.000					3.800.000	3.800.000
35	THCS Hải Hậu		840.000	875.000	600.000	750.000					3.065.000	3.065.000
Cộng THCS			560.000	116.900.000	126.000.000	114.000.000	-	-	44.928.000	56.160.000	563.674.000	563.114.000